TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày 15-9-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thể - Thư ký TAND huyện Cư Jút.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2023/TLST – DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST – DS ngày 11/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2023/QĐST - DS ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng X.

Trụ sở: Số A phố L, phường H, Quận M, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc; Địa chỉ: Số A phố L, phường H, Quận M, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy q uyền: Ông Phạm Xuân T – Giám đốc Ngân hàng X huyện C.

Đại diện tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Quỳnh G - C/v: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng X, C

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

- Bị đơn: 1.Bà Triệu Thị H, sinh năm: 1977.

2. Ông Hoàng Văn D, sinh năm: 1977

3. Bà Hoàng Thị Thùy C, sinh năm: 2002

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Đăk Nông– Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Triệu Thị H có vay của Ngân hàng X số tiền 70.000.000 đồng theo Khế ước số: 6600000717286954 ngày 10/3/2020 và Khế ước số: 6600000717662748 ngày 10/5/2020, cụ thể :

+ Khế ước số: 6600000717286954 ngày 10/3/2020 vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); mục đích vay: đầu tư trồng tiêu, thỏa thuận: Lãi suất là

0.66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay là 60 tháng, trả lãi vào ngày 10 hàng tháng và trả gốc 10.000.000 đồng /12 tháng; hạn trả nợ vào 10/3/2025.

+ Khế ước số: 6600000717662748 ngày 10/5/2020 vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) mục đích vay: sửa nhà vệ sinh, mua bồn nước theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, thỏa thuận: Lãi suất là 0.75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay là 59 tháng, trả lãi vào ngày 10 hàng tháng và trả gốc 2.000.000 đồng/06 tháng; hạn trả nợ vào 10/4/2025.

Quá trình trả nợ của gia đình bà H:

+ Đối với món vay theo khế ước 6600000717286954:

Lãi trong hạn tính từ 10/3/2020 đến 15/9/2023 là: 50.000.000đ x 1284 ngày x 0,66%tháng = 13.936.274 đồng.

Gia đình bà H đã trả 13.867.274đ tiền lãi, đóng lần cuối vào ngày 10/9/2023.

Tính đến ngày 15/9/2023 còn nợ 60.000đ (Sáu mươi nghìn) tiền lãi; chưa trả được đồng tiền gốc nào.

+Đối với món vay theo khế ước 6600000717662748:

Lãi trong hạn tính từ 10/5/2020 đến 15/9/2023 là: 20.000.000đ x 1223 ngày x 0,75%tháng = 6.034.081 đồng.

Gia đình bà H đã trả 6.006.581đ tiền lãi, đóng lần cuối vào ngày 10/9/2023.

Tính đến ngày 15/9/2023 còn nợ 27.500đ (Hai mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) tiền lãi; chưa trả được đồng tiền gốc nào.

Ngân hàng X rút một phần yêu cầu lãi đối với bà H, ông D, bà C, cụ thể xin rút 878.721 đồng lãi so với yêu cầu khởi kiện.

Ngân hàng X yêu cầu Tòa án buộc bà Triệu Thị H, ông Hoàng Văn D và bà Hoàng Thị Thùy C phải trả số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2023 là 70.087.500 đồng (Bảy mươi triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) (Trong đó: tiền gốc 70.000.000 đồng và lãi là 87.500 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh tính đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Khế ước số: 6600000717286954, vay ngày 10/3/2020 và Khế ước số: 6600000717662748 vay ngày 10/5/2020.

- Bị đơn bà Triệu Thị H trình bày tại bản tự khai và phiên họp ngày 14/7/2023: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, thừa nhận gia đình bà H có vay Ngân hàng X tổng số tiền 70.000.000 đồng theo Khế ước số: 6600000717286954 vay ngày 10/3/2020 và Khế ước số: 6600000717662748 vay ngày 10/5/2020; mục đích sử dụng: phát triển kinh tế, cải thiện cuộc sống gia đình như mục đích vay; tuy nhiên, do vợ chồng bà H, ông D trục trặc tình cảm, đã ly hôn nên đã vi phạm thời hạn trả nợ cho Ngân hàng. Nguyện vọng của bà H xin được trả nợ từng lần cho đến khi trả hết nợ, cụ thể: Hàng tháng trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn D trình bày tại bản tự khai và phiên họp ngày 14/7/2023: Thừa nhận gia đình ông D có vay Ngân hàng X tổng số tiền 70.000.000 đồng theo Khế ước số: 6600000717286954 vay ngày 10/3/2020 và Khế ước số: 6600000717662748 vay ngày 10/5/2020; sử dụng khoản

vay vào mục đích chung trong gia đình. Tuy nhiên, do vợ chồng ông D đã ly hôn nên đã vi phạm thời hạn trả nợ cho Ngân hàng. ông D xin được trả nợ từng lần cho đến khi trả hết nợ, cụ thể: Hàng tháng trả 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tại phiên hòa giải, tại các phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không chấp hành, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về hình thức tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng X - Phòng giao dịch C khởi kiện bà Triệu Thị H, ông Hoàng Văn D và bà Hoàng Thị Thùy C có địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Đăk Nông trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét các món vay khế ước số Khế ước số: 6600000717286954, vay ngày 10/3/2020 và Khế ước số: 6600000717662748 vay ngày 10/5/2020 được ký kết giữa bà Triệu Thị H với Ngân hàng X - Phòng giao dịch C hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị lừa dối, nội dung vay số tiền 70.000.000 đồng theo các chương trình mục đích vay: đầu tư trồng tiêu, kế hoạch vay Hộ cận nghèo; cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, các thỏa thuận trong khế ước hoàn toàn phù hợp đúng theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định:

" Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản

cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"

Đến trả nợ lãi mà bà H không trả lãi, như vậy bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận trong Khế ước vay đã ký kết.

Tại khoản 1 khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự quy định:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Tuy đứng tên vay Ngân hàng X là bà Triệu Thị H nhưng đây là khoản vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, mối quan hệ giữa bà Triệu Thị H và ông Hoàng Văn D là quan hệ vợ chồng; bà Hoàng Thị Thùy C là con đẻ của bà H, ông D và đang chung sống cùng nhà; việc bà H ký nhận nợ với Ngân hàng X thì ông D, bà C có biết, có ký giấy ủy quyền để bà H vay vốn (Bút lục 11) và thừa nhận vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng nên theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xét thấy: ông Hoàng Văn D; bà Hoàng Thị Thùy C có nghĩa vụ chung về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, hộ gia đình nên là đồng bị đơn, có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ đối với khoản vay này.

HĐXX xét yêu cầu tính gốc, lãi của nguyên đơn: Cách tính lãi của Ngân hàng X là rõ ràng, đúng theo thỏa thuận về thời điểm trả nợ và lãi suất, không vi phạm quy định của pháp luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hành X là có căn cứ theo các món vay Khế ước số: 6600000717286954, vay ngày 10/3/2020 và Khế ước số: 6600000717662748 vay ngày 10/5/2020 được ký kết giữa bà H và Ngân hàng X, HĐXX cần chấp nhận.

Xét: Ngày 10/9/2023 bà Triệu Thị H đã tự nguyện nộp tiền lãi với Ngân hàng X, tại phiên tòa Đại diện Ngân hàng rút một phần yêu cầu tính lãi với số tiền lãĩ 878.721 đồng là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật, HĐXX cần chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên HĐXX đủ căn cứ buộc bà Triệu Thị H, ông Hoàng Văn D và bà Hoàng Thị Thùy C phải trả Ngân hàng X số tiền 70.087.500 đồng (Bảy mươi triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), trong đó: tiền gốc 70.000.000đ, tiền lãi tính tới thời điểm xét xử 15/9/2023 là 87.500đồng.

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 15/9/2023 theo mức lãi suất như đã thỏa thuận trong khế ước nhận nợ đối với số tiền còn nợ cho đến khi trả nợ xong.

Xét: Ngân hàng Chính sách X rút một phần yêu cầu lãi đối với bà Hn, ông D, bà C, cụ thể xin rút 878.721 đồng lãi so với yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, HĐXX cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Án phí dân sự có giá nghạch đối với số tiền 70.087.500 đồng là: 70.087.500 đồng x 5% = 3.504.000 đồng (Ba triệu, năm trăm lẻ bốn nghìn đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2

Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X;

1. Buộc bà Triệu Thị H, ông Hoàng Văn D và bà Hoàng Thị Thùy C phải trả Ngân hàng X số tiền: 70.087.500 đồng (Bảy mươi triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), trong đó: tiền gốc 70.000.000đ, tiền lãi tính tới thời điểm xét xử 15/9/2023 là 87.500đồng.

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 16/9/2023 theo mức lãi suất như đã thỏa thuận trong khế ước nhận nợ số 6000006400046948 ngày 24/8/2010; món vay số Khế ước số: 6600000717286954, vay ngày 10/3/2020 và Khế ước số: 6600000717662748 vay ngày 10/5/2020 với số tiền còn nợ cho đến khi trả nợ xong.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính 878.721 đồng lãi của nguyên đơn.

3. Về án phí: Buộc bà Triệu Thị H, ông Hoàng Văn D và bà Hoàng Thị Thùy C phải nộp . 3.504.000 đồng (Ba triệu, năm trăm lẻ bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lộc Thị Vinh